

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ VÀ KÝ ỨC CHIẾN TRANH (*Điều tra về nạn đói năm 1945 ở Việt Nam*)

Furuta Motoo^(*)

Trong khoảng thời gian 10 năm gần đây, tôi đã cùng với các nhà sử học Việt Nam tiến hành cuộc điều tra về thực trạng nạn đói xảy ra tại miền Bắc Việt Nam năm 1945. Nạn đói này là một thảm kịch diễn ra trong thời kỳ quân đội Nhật Bản chiếm đóng Việt Nam. Tuy nhiên, tại Nhật Bản, nạn đói 1945 hầu như vẫn chưa được biết tới. Một trong những lý do chính là chúng ta không có được nhiều tài liệu ghi chép rõ ràng về sự kiện này. Năm 1945 là một bước ngoặt lớn trong lịch sử hiện đại Việt Nam. Cho tới đầu năm 1945, Việt Nam cùng với Lào, Campuchia đều là thuộc địa của thực dân Pháp. Từ tháng 9 năm 1940, trước khi chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, Nhật Bản đã đưa quân đội vào chiếm đóng nhưng vẫn thừa nhận chủ quyền của người Pháp ở đây. Nhưng sau khi dự đoán quân Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương, Nhật đã quyết định lật đổ chính quyền thực dân Pháp. Ngày 9-3-1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp và trên thực tế đã nắm được quyền thống trị ở Đông Dương. Nhưng khác với các nước Đông Nam Á khác, Nhật Bản không xây dựng ở đây một nền thống trị trực tiếp mà tuyên bố ba nước Đông Dương, trong đó có Việt Nam, được “độc lập”. Ở Việt Nam, hoàng đế của triều đình nhà Nguyễn là Bảo Đại tuyên bố “độc lập”, một nội các do Trần Trọng Kim đứng đầu được thành lập. Tuy vậy, khi Nhật Bản đầu hàng ngày 15-8, hệ thống chính quyền của nhà nước “độc lập” giả hiệu do Nhật Bản dựng lên này cũng sụp đổ. Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, đã tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám, buộc Bảo Đại phải thoái vị và lật đổ nội các Trần Trọng Kim, thành lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Do một loạt những biến động chính trị như vậy nên đã không có một chính quyền nào đứng ra ghi chép một cách đầy đủ và xuyên suốt về nạn đói 1945. Thêm vào đó, kể từ năm 1945, Việt Nam lại phải trải qua gần 30 năm chiến tranh khốc liệt. Vì vậy số liệu về người chết trong nạn đói năm 1945 vẫn chưa được làm sáng tỏ.

Cuộc điều tra của chúng tôi được tiến hành theo phương pháp như sau: từ Quảng Trị trở ra Bắc chúng tôi chọn ra 23 làng, đối với từng làng tiến hành điều tra tổng dân số vào thời điểm năm 1945, phân chia các hộ gia đình và làm rõ số người bị chết vì nạn đói của từng hộ. Tại các làng được điều tra, những văn bản ghi lại các số liệu này còn sót lại là rất ít, nên trong phần lớn các trường hợp, tư liệu chủ yếu là hồi tưởng của các cụ già về thời kỳ đó. Hạn chế của cuộc điều tra là vấn đề thời gian: đã hơn nửa thế kỷ trôi qua kể từ khi sự kiện này xảy ra, do đó mục tiêu của chúng tôi là cố gắng tái hiện được càng chính xác càng tốt thực trạng của nạn đói 1945. Năm 1945, bản Báo cáo điều tra bằng tiếng Việt đã được Viện Sử học Việt Nam xuất bản.

(*) GS, Đại học Quốc gia Tokyo – Nhật Bản.

Điều tra với tư cách là một nhà nghiên cứu người Nhật Bản

Nạn đói năm 1945 đã có ảnh hưởng to lớn tới những sự kiện sau này trong lịch sử hiện đại Việt Nam. Nếu bỏ qua nạn đói 1945, chúng ta sẽ khó có thể lý giải quá trình ổn định thế lực nhanh chóng của Việt Minh, Cách mạng Tháng Tám và sau đó là sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hoà. Bởi vậy, nghiên cứu làm rõ nạn đói 1945 là một đề tài đáng được quan tâm với các nhà nghiên cứu lịch sử hiện đại Việt Nam, dù thuộc bất cứ một quốc tịch nào. Do đó, tôi đã lựa chọn tham gia vào cuộc điều tra này trước tiên với tư cách là một nhà nghiên cứu lịch sử chứ không phải là một công nhân Nhật Bản.

Tuy nhiên, đối với một đề tài như thế này, tôi cũng không thể không lưu ý mình là một người Nhật Bản. Nếu tôi là một người Anh hay người Mỹ thì có lẽ chuyện đã khác. Nhưng trong một cuộc điều tra có liên quan đến trách nhiệm chiến tranh của Nhật Bản với nạn đói 1945, việc chỉ nhấn mạnh mình tham gia với tư cách là một nhà nghiên cứu lịch sử đơn thuần có nghĩa là chối bỏ trách nhiệm đối với những gì xảy ra trong quá khứ. Tôi đến Việt Nam làm cuộc điều tra này với tấm hộ chiếu của nước Nhật. Trong quá trình làm việc, nếu có khó khăn gì, tôi sẽ nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ của Đại sứ quán Nhật Bản. Không chỉ có vậy, cá nhân tôi còn là giảng viên của một trường đại học công lập ở Nhật, tức là một viên chức của nhà nước Nhật Bản. Vì vậy, cho dù gạt đi mối quan hệ mật thiết này, vẫn không thể phủ định rằng tôi tham gia cuộc điều tra với tư cách và quyền lợi của một công dân mang quốc tịch Nhật Bản. Nhật Bản là quốc gia phải chịu trách nhiệm trong cuộc chiến tranh Châu Á - Thái Bình Dương mà nạn đói 1945 là một sự kiện trong giai đoạn lịch sử đó. Bởi vậy, tôi nghĩ rằng cá nhân mình không thể thoát khỏi những ràng buộc có tính dân tộc trong khi tham gia vào cuộc điều tra.

Thêm vào đó, giả sử tôi có tự cho mình tham gia cuộc điều tra với tư cách là một nhà nghiên cứu lịch sử đơn thuần, thì tại Việt Nam, cũng chỉ có một số rất ít nhà nghiên cứu Việt Nam thông cảm và chấp nhận điều đó. Còn phần lớn người Việt Nam mà tôi gặp dĩ nhiên coi tôi là một người Nhật Bản chứ không phải là một nhà nghiên cứu lịch sử khách quan. Đặc biệt trong việc thu thập tư liệu từ các cụ già đã trực tiếp trải qua nạn đói, việc ý thức quan hệ giữa người tiến hành điều tra và người cung cấp tư liệu là vô cùng quan trọng và cần thiết. Các tư liệu mà tôi thu thập được từ những người nhân lịch sử rõ ràng được thực hiện trong hoàn cảnh có sự lẫn lộn trong nhận thức về mối quan hệ người nông dân - nhà nghiên cứu lịch sử với quan hệ người Việt Nam - người Nhật Bản.

Ngoài ra, một lý do khiến tôi muốn tham gia cuộc điều tra lần này là mong muốn thay đổi cách hiểu của một người Nhật Bản về nạn đói 1945. Cuộc điều tra được tiến hành trong thời kỳ quan hệ Việt Nam và Nhật Bản đã vượt qua được giai đoạn căng thẳng và đang trong thời kỳ phát triển. Trong khi tại Việt Nam, nạn đói 1945 được coi là một sự kiện đương nhiên ai cũng biết thì tại Nhật Bản lại hầu như không được nhắc đến. Tôi cho rằng nếu cứ giữ nguyên tình trạng này thì khó có thể có được một mối

quan hệ Nhật - Việt mang tính xây dựng. Để thay đổi tình trạng nêu trên ở Nhật Bản chúng tôi nghĩ rằng một cuộc điều tra như thế này là một biện pháp vô cùng cần thiết. Có thể coi đây là một cuộc điều tra làm thay đổi nhận thức của nước Nhật.

Trên đây là những điều mà tôi trông đợi vào cuộc điều tra với tư cách là một nhà nghiên cứu lịch sử người Nhật Bản.

Điều đáng xấu hổ phải chăng là sự che đậy?

Những điều mà tôi kỳ vọng vào cuộc điều tra lần này với tư cách là một nhà nghiên cứu lịch sử người Nhật Bản lại khiến tôi vấp phải những nghi ngờ hoàn toàn ngược lại. Tôi đã nghe được nhiều ý kiến, từ việc cho rằng là người Nhật mà lại khơi dậy những sai lầm của nước Nhật là một chuyện không hay ho gì, cho đến chuyện tiến hành một cuộc điều tra kiểu như thế này có nguy cơ làm phương hại đến quan hệ hai nước Nhật Bản và Việt Nam đang dần dần được cải thiện.

Chính một người bạn Việt Nam của tôi đã đưa ra ý kiến thuộc loại thứ hai. Từ năm 1991, Việt Nam đã đề ra phương châm ngoại giao: “Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai”. Tôi cho rằng chính trong thời điểm hiện tại, khi mà quan hệ Nhật Bản - Việt Nam đang được cải thiện, chúng ta mới có điều kiện và cần thiết phải xem xét về nạn đói 1945 - một vấn đề vẫn chưa được làm sáng tỏ trong quan hệ hai nước. Phương châm ngoại giao “Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai” của Việt Nam đối với Nhật Bản có nghĩa là lịch sử Chiến tranh Thế giới II mà nạn đói 1945 chỉ là một sự kiện trong giai đoạn đó, sẽ không ảnh hưởng gì tới sự phát triển quan hệ Việt Nam và Nhật Bản hiện nay. Tôi cho rằng phương châm ngoại giao này có một ý nghĩa rất tích cực đối với cuộc điều tra. Trên cơ sở đó, chúng tôi mới có khả năng triển khai cuộc điều tra một cách tương đối độc lập với vấn đề quan hệ ngoại giao giữa chính phủ hai nước Nhật Bản và Việt Nam.

Đối với ý kiến thuộc loại thứ nhất, tôi hoàn toàn không tán thành. Tôi nghĩ rằng chính vì mình là người Nhật Bản nên tôi phải có nghĩa vụ tham gia làm rõ nạn đói 1945, trong khi những ý kiến đó lại đi theo một xu hướng ngược lại. Tuy nhiên, ở đây cũng có thể nảy sinh một câu hỏi. Dù là cách suy nghĩ nào đi chăng nữa, “tại tôi là người Nhật Bản, không nên khơi ra những chuyện không tốt đẹp của nước Nhật trong chiến tranh” hay “chính vì tôi là người Nhật nên tôi phải có trách nhiệm điều tra...”, thì phải chăng chúng đều đứng trên một quan điểm chung là xây dựng một thứ lịch sử củ người Nhật, lấy người Nhật làm trung tâm?

Suy nghĩ “chính vì mình là người Nhật...” của tôi không phải nhằm mục đích xây dựng một thứ “lịch sử cần phải có với tư cách là người Nhật” (lịch sử dành cho người Nhật), bởi tôi cho rằng mình không thể làm ngơ trước trách nhiệm của Nhật Bản trong nạn đói 1945. Theo tôi, khi người Nhật bắt đầu quan tâm tới trách nhiệm của Nhật Bản trong chiến tranh tức là chúng ta đã tham gia vào những vấn đề phổ biến mà cả nhân loại quan tâm như tố cáo tác hại của chế độ thực dân và chiến tranh đối với loài người.

Tôi mong muốn mối quan hệ Nhật - Việt cũng sẽ được đặt ngang tầm với các vấn đề này. Chúng tôi tiến hành cuộc điều tra nạn đói cũng không phải vì cho rằng thừa nhận những trách nhiệm chiến tranh sẽ giúp cho quan hệ ngoại giao và đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam dễ dàng và nhanh chóng hơn.

Qua những lời thuật lại của những cụ già tại các làng quê Việt Nam, chúng tôi biết được ngoài nạn đói 1945 còn có rất nhiều câu chuyện bi thảm khác. Sau khi Thế chiến II kết thúc, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc đã tiến vào giải giáp quân đội Nhật. Đối với người dân, đội quân vô kỷ luật này vô cùng đáng sợ. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (Chiến tranh Đông Dương I), nhiều làng quê Bắc Bộ đã trở thành chiến trường. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ sau đó (chiến tranh Việt Nam), tuy miền Bắc không phải là chiến trường trực tiếp nhưng rất nhiều thanh niên tòng quân từ các làng quê miền Bắc vào miền Nam chiến đấu đã hy sinh. Vì vậy, nhiều cụ già đã nói với chúng tôi: "Lòng căm thù không chỉ đối với quân đội Nhật Bản".

Tuy nhiên, ở đây tôi nghĩ rằng không thể coi nạn đói 1945 đơn giản như là một phần trong số những thảm kịch giáng xuống những người dân Việt Nam trong thế kỷ XX. Nếu không đối diện với những trách nhiệm của Nhật Bản trong nạn đói 1945, người Nhật sẽ không có quyền truy cứu trách nhiệm chiến tranh của Pháp và Mỹ đối với nhân dân Việt Nam. Điều mà tôi muốn nói ở đây là nếu người Nhật muốn truy cứu trách nhiệm của nước Pháp hay nước Mỹ, họ cần ghi nhớ rằng số người đã chết trong nạn đói 1945 do trách nhiệm của Nhật Bản còn nhiều hơn số người đã hy sinh trong 30 năm chiến tranh sau đó ở Việt Nam.

Phương pháp điều tra

Như đã trình bày ở trên, những lời thuật lại của các cụ già chiếm một vị trí rất quan trọng trong cuộc điều tra lần này. Khi tới các làng, chúng tôi được giới thiệu với các cụ già vẫn còn nhớ rõ tình trạng của làng năm 1945. Bỏ qua những câu chuyện mang tính cá nhân, diện mạo toàn thể của làng được xây dựng lại chủ yếu trên cơ sở ký ức của các cụ già giờ đây đã 70 tuổi mà vào thời điểm năm 1945 họ mới ngoài 20 tuổi.

Trước tiên, chúng tôi giúp họ nhớ lại các hộ gia đình trong làng. Một số cụ già có trí nhớ tốt có thể nhớ được khoảng 100 hộ gia đình, thậm chí trong một số trường hợp, chúng tôi thực sự kinh ngạc trước những ký ức rất phong phú, súc tích của họ về cả làng. Khi đã biết được cấu trúc của làng và số người trong từng hộ gia đình, chúng tôi tìm hiểu số người đã chết vì nạn đói. Những số liệu thu thập được đưa cho các cụ già khác kiểm chứng. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhờ các gia đình hiện nay kiểm tra lại tính chính xác của các thông tin liên quan đến hàng xóm và thân nhân của họ. Phương pháp làm việc cơ bản của chúng tôi là từ những gì tập hợp được trong thời điểm hiện tại để đưa ra được thông tin, số liệu có độ tin cậy cao nhất.

Tại 23 làng mà chúng tôi điều tra lần này, tỷ lệ người chết đói tính trên tổng dân số vào năm 1945 được phân bố trong khoảng từ 8,37% cho tới 58,77%. (Thực ra nơi có tỷ

lệ cao nhất là làng Bùi Xá. Ở đây, con số tính toán ra là 73,7%, nhưng ở làng này do quá trình di cư diễn ra rất mạnh mẽ, chúng tôi chỉ có thể phục hồi dân số tại các gia đình có người chết đói. Do đó, số liệu này không phải là tỷ lệ người chết đói/ tổng dân số của làng vào năm 1945. Vì thế chúng tôi không đưa ra con số 73,7% ở đây). Trong 23 làng mà chúng tôi điều tra, có 6 làng có tỷ lệ người bị chết đói hơn 40%, tương đương với nạn đói những năm Thiên Minh, thời E-dô ở Nhật Bản.

Tôi nghĩ rằng thời điểm hiện nay, đây là phương pháp duy nhất có khả năng tiếp cận với thực trạng nạn đói 1945, và những con số mà chúng tôi đạt được là có độ tin cậy cao. Tuy vậy, phương pháp này cũng tồn tại một số nhược điểm nhất định. Nhược điểm lớn nhất là đối với các hộ gia đình hầu như bị xóa sổ bởi nạn đói (tỷ lệ người chết đói là gần 100%), chúng tôi rất khó khăn trong việc thu thập các thông tin chính xác. Tại các làng được điều tra, chúng tôi đều vấp phải một khó khăn chung. Đó là rất khó xác định xem vào thời điểm nạn đói 1945, có bao nhiêu thành viên trong các hộ gia đình hoặc bị chết hết trong nạn đói hoặc gần như chết hết và những người còn sống sót di cư sang các vùng khác. Đôi khi, giữa các cụ già được phỏng vấn đã diễn ra những cuộc tranh cãi. Chẳng hạn có người cho rằng một gia đình có bốn thành viên, trong khi lại có ý kiến cho rằng gia đình đó có năm thành viên vì còn có thêm một em bé mới sinh.

Ngoài ra, việc xác định liệu có phải nguyên nhân tử vong là do nạn đói hay không cũng là một vấn đề lớn. Nếu bỏ qua những trường hợp được các cụ già ghi nhận là chết do bệnh tật hay thương tích, cuộc điều tra của chúng tôi chỉ dừng lại ở việc xác định được rằng: rõ ràng tỷ lệ số người chết vào năm 1945 cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ số người chết trung bình hàng năm vào thời kỳ đó. Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa xác định được một cách chính xác nguyên nhân tử vong của từng trường hợp cụ thể.

Tuy dựa vào tư liệu là ký ức của các cụ già, nhưng cuộc điều tra của chúng tôi đã cố gắng tái hiện thực trạng nạn đói 1945 một cách chính xác nhất trong khả năng có thể. Đây là một cuộc điều tra theo chủ nghĩa thực chứng.

Nguyên nhân quan trọng nhất khiến tôi quyết định lựa chọn phương pháp này là: thông qua việc điều tra trên quy mô từng làng, chúng ta có thể đưa ra chứng cứ cụ thể về mức độ thiệt hại tương đương giữa nạn đói 1945 ở Việt Nam với nạn đói những năm Thiên Minh ở Nhật Bản. Có như vậy mới xóa bỏ được thành kiến của người Nhật Bản coi nạn đói 1945 diễn ra ở Việt Nam trong thế kỷ XX như là một sự kiện không đáng tin cậy.

Những sự kiện như vụ thảm sát Nam Kinh (12-12-1937), mà hiện nay đang thu hút sự quan tâm rộng rãi của xã hội Nhật Bản, thực ra chỉ là phần nổi của tảng băng, xét trên việc mở rộng vấn đề trách nhiệm chiến tranh của Nhật Bản. Còn rất nhiều vụ việc chưa được làm sáng tỏ mà chỉ có một số rất ít các nhà chuyên môn biết tới. Chỉ cần nhìn vào các vấn đề như nô lệ tình dục trong chiến tranh hay nạn đói 1945 ở Việt Nam, có thể thấy rằng trong nhiều vấn đề chúng ta buộc phải dựa vào lời kể của các nhân chứng do sự thiếu thốn tư liệu bằng văn bản. Nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ khi Thế chiến II kết thúc, cũng có nghĩa là chúng ta đang tới gần với giới hạn sử dụng của

nguồn tư liệu ký ức này. Trong thực trạng đó, tôi nghĩ rằng chúng ta không được đánh giá thấp ý nghĩa khoa học thực chứng của việc thu thập và phân tích tư liệu, trong đó có tư liệu ký ức của các nhân chứng lịch sử.

Trước tiên, chúng tôi công bố kết quả cuộc điều tra dưới hình thức một báo cáo bằng tiếng Việt tại Việt Nam vào tháng 8 năm 1995. Khi đó, tôi đã nghĩ rằng chính một bản báo cáo bằng tiếng Nhật mới thực sự quan trọng, nhưng đến bây giờ thì dự định của tôi vẫn chưa được hoàn thành. Về tiếng Nhật, mới chỉ có các bài luận văn và bình luận của tôi, cùng với một số bài giới thiệu của giới truyền thông Nhật Bản thường trú tại Việt Nam khi bản báo cáo bằng tiếng Việt được xuất bản tại Việt Nam. Tuy vậy, cuộc điều tra của chúng tôi được đánh giá là đã thay đổi cuộc tranh luận tại Nhật Bản xung quanh vấn đề nạn đói 1945 ở Việt Nam.

Cuộc điều tra của chúng tôi chỉ được tiến hành tại 23 địa điểm, 23 làng thuộc vùng Bắc Bộ Việt Nam. Tuy chỉ thực hiện trong một phạm vi giới hạn như vậy, thông qua những con số như tỷ lệ người chết đói ở nơi thấp nhất cũng lên tới 8%, cùng với một sự thật là nạn đói 1945 đã xảy ra trên một khu vực rất rộng lớn, có thể nói, rõ ràng là nạn đói 1945 đã gây ra những thiệt hại vô cùng nghiêm trọng. Vì vậy, sau khi bản báo cáo được công bố, nó đã chấm dứt những tranh luận về việc liệu có xảy ra một nạn đói thực sự nghiêm trọng tại miền Bắc Việt Nam năm 1945 hay không. Đề tài tranh luận đã chuyển sang vấn đề mức độ thiệt hại của nạn đói và xác định xem liệu ai phải chịu trách nhiệm về vấn đề đó.

Hai vấn đề này nằm ngoài phạm vi mục đích trực tiếp của cuộc điều tra mà chúng tôi tiến hành là tái hiện thực trạng nạn đói và chúng tôi không thể đưa ra một kết luận dứt khoát nào liên quan đến hai vấn đề này.

Bản thân tôi cũng suy nghĩ rất nhiều trước những lời chỉ trích về thái độ do dự không đưa ra kết luận cho cả hai vấn đề trên, nhưng tôi nghĩ rằng với tư cách là một nhà nghiên cứu, cần tìm hiểu thận trọng để có thể tái hiện lại sự thật lịch sử một cách chính xác nhất trong khả năng có thể và góp phần giải quyết các vấn đề gây tranh cãi. Đây cũng chính là vai trò của cuộc điều tra.

Những câu chuyện khác nhau

Một trong những điều mà cuộc điều tra của chúng tôi đã khắc họa được là khoảng cách lớn về tỷ lệ người bị chết đói giữa các vùng - từ 8% đến 58%. Điều đó nói lên tính đa dạng về mức độ thiệt hại của nạn đói. Tuy giữa các làng được điều tra có sự khác biệt rất lớn, nhưng trong cùng một làng, giữa các xóm hoặc giữa các hộ gia đình cũng có rất nhiều mức độ thiệt hại khác nhau. Bên cạnh đó, những gì mà các cụ già kể cho chúng tôi cũng vô cùng phong phú, trong đó có nhiều câu chuyện đã được kiểm chứng liên quan đến nạn đói 1945.

Ở đây, tôi chỉ muốn xem xét những câu chuyện có liên quan đến Nhật Bản. Trước hết, phải chú ý một điều là tại các vùng nông thôn Việt Nam, cơ hội được tiếp xúc trực tiếp với quân đội Nhật là rất hiếm. Đó là vì đến năm 1945, theo hiệp định với Pháp

quân đội Nhật tiến vào Đông Dương, nhưng những việc như trưng thu lương thực đều được tiến hành thông qua chính quyền thực dân Pháp. Về cơ bản, hầu như không có chuyện quân đội Nhật trực tiếp tiến vào các làng để thu.

Quân Nhật có tiến vào một số làng để truy tìm tàn quân Pháp trong thời gian đảo chính tháng 3 năm 1945 và sau đó là truy bắt Việt Minh. Tuy nhiên, tại miền Bắc Việt Nam - nơi xảy ra nạn đói, những khu vực mà họ tiến hành các hoạt động quân sự như vậy là rất hạn chế.

Tại một trong những làng mà chúng tôi điều tra, các cụ già kể rằng quân đội Nhật đã từng bao vây làng và trong làng đã có người bị chết. Đó là làng Cẩm Phổ thuộc tỉnh Quảng Trị. Khi quân Pháp và quân Nhật đánh nhau trong thời gian đảo chính, đã có sáu người trong làng bị giết. Ngoài ra, tại làng Khả Lý thuộc tỉnh Bắc Giang, người ta cũng xác nhận đã trực tiếp có những hoạt động đánh đập, tra tấn. Làng này nằm gần Việt Bắc, nơi Việt Minh hoạt động rất mạnh mẽ. Thêm vào đó, ở đây đã xảy ra vụ những người bị đói cướp số thóc nộp thuế cất tại nhà một chức sắc trong làng. Vì vậy, một đơn vị quân Nhật đóng gần đó đã tiến vào trong làng để "giữ trật tự". Một cụ già trong làng kể rằng một hôm, cụ đi bán củi về muộn, khi đến cổng làng thì bị lính Nhật ở đây nghi là đi tiếp tế cho Việt Minh và bị đánh.

Tuy ở nhiều làng, những câu chuyện liên quan đến quân đội Nhật thường là những câu chuyện có tính gián tiếp, nhưng nhìn chung, theo lời kể của các cụ già, ấn tượng phổ biến của người Việt Nam là quân đội Nhật rất "đáng sợ". Theo đó, lan truyền một nỗi sợ hãi rằng quân Nhật sẽ đến và trừng phạt rất tàn khốc nếu như không nộp đủ số thóc trưng thu hoặc không đáp ứng việc trồng dứa.

Cũng có cụ già nói rằng ban đầu người dân rất sợ quân đội Nhật, nhưng sau khi tiếp xúc trực tiếp thì họ thấy không đến nỗi đáng sợ như vậy. Sau khi kết thúc chiến tranh, một đơn vị quân Nhật trên đường rút về Hải Phòng đã trú tại làng Phương Thông tỉnh Hưng Yên. Tại đây, những người lính của đơn vị này đã nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật và còn đem chia số gạo mình mang theo cho các gia đình mà mình tạm trú. Nhờ đó mà nạn đói trong làng đã được giảm bớt.

Như vậy, những câu chuyện của các cụ già liên quan đến quân đội Nhật là rất phong phú. Vấn đề là ở chỗ nên tiếp thu những câu chuyện này như thế nào. Lấy ví dụ câu chuyện tại làng Phương Thông mà tôi giới thiệu ở trên, có thể bị khái quát hoá lên thành biểu tượng cho mối quan hệ giữa quân đội Nhật Bản và người dân Việt Nam. Tôi phản đối cách làm này. Các đơn vị quân Nhật đồn trú ở Đông Dương đã rút được kinh nghiệm tại chiến trường Trung Quốc và cố gắng chú ý không để xảy ra va chạm trong quan hệ với người dân Việt Nam. Phần lớn các đơn vị để xảy ra xung đột với dân thường là các đơn vị vừa được chuyển tới từ mặt trận Trung Quốc trước và sau cuộc đảo chính Pháp. Tuy nhiên, phải nhận thức những nỗ lực đó trên cơ sở xem xét vị thế của quân đội Nhật tại Việt Nam. Họ là một đội quân nước ngoài, là những "vị khách không mời mà đến" với sức mạnh quân sự áp đảo, khiến đa số những người dân thường phải khiếp sợ.

Ngược lại, tôi nghĩ rằng cũng sẽ không ổn nếu chúng ta bỏ qua những trường hợp như những gì đã xảy ra ở làng Phương Thông. Nếu không xem xét những trường hợp như thế này, sẽ rất dễ dàng miêu tả hình ảnh nạn đói 1945 như là kết quả chiến tranh của Nhật Bản. Trong quá trình thu thập lời chứng của các nạn nhân chiến tranh, sẽ là rất nguy hiểm nếu người đi thu thập tư liệu lại quá thông cảm với nạn nhân và để cho hình ảnh những người bị hại giống với những gì mình tự hình dung ra. Một khi một cuốn sách tập hợp những lời chứng về các trường hợp như ở làng Phương Thông xuất hiện thì người ta sẽ buộc phải nghi ngờ những gì có trong một tập sách thu thập những lời chứng nhưng lại bỏ qua những trường hợp như ở làng nói trên.

Ngoài ra, khi liệt kê những lời chứng mâu thuẫn với nhau, có khả năng sẽ xuất hiện những nghi ngờ về tính chân thực của chúng. Logic này đôi khi khiến người ta chỉ sử dụng những bằng chứng một chiều như sự kiện xảy ra ở làng Phương Thông (coi những lời chứng có nội dung ngược lại ở các nơi khác là không đáng tin cậy) và dẫn đến nghi ngờ về nạn đói. Nhưng rõ ràng, những lời làm chứng chưa phải là bản thân sự kiện thực tế. Tuy những gì được kể lại có thể được kiểm chứng thông qua việc so sánh với những lời chứng khác, việc xác định xem vào thời kỳ đó, những người không trực tiếp tiếp xúc với quân đội Nhật có ấn tượng như thế nào với quân đội Nhật là vô cùng khó khăn. Từ đó, có thể xem xét ảnh hưởng của việc giáo dục lịch sử và giáo dục chính trị sau này.

Tuy nhiên, qua cuộc điều tra lần này, chúng tôi biết được rằng tại Việt Nam, nạn đói 1945 là một ký ức cần được nhắc lại. Trong khi những mất mát về sinh mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sau đó được coi là “những cống hiến vinh quang trong cuộc chiến đấu vì nền độc lập của Tổ quốc”, thường được nhắc tới và trong làng thường có một “Đài tưởng niệm liệt sĩ” thì người ta lại rất ít nhắc tới những người đã chết vì nạn đói 1945 tại những nơi công cộng. Nửa thế kỷ đã trôi qua, đối với rất nhiều cụ già, đây là lần đầu tiên họ kể lại câu chuyện về nạn đói 1945 trước những người không thân quen. Điều này cũng có nghĩa là những gì liên quan đến nạn đói 1945 không phải là những chuyện chính thức để kể đi kể lại tại những nơi đông người. Vào giây phút này, những lời làm chứng về nạn đói 1945 chứa đựng trong đó cả suy nghĩ chủ quan của những người làm chứng, và khá mâu thuẫn với nhau. Nếu không hiểu được điều này, do những lời chứng có một số điểm mâu thuẫn, ta sẽ nghi ngờ tính tin cậy của chúng và dẫn tới nghi ngờ chính bản thân sự kiện nạn đói.

Tôi nghĩ rằng những câu chuyện rất khác nhau về quân đội Nhật Bản đó nên được tiếp thu một cách nguyên vẹn. Làm như thế không phải để vẽ nên một hình ảnh lịch sử rằng trong quan hệ giữa quân đội Nhật Bản và người dân Việt Nam, có cả những hành động tàn ác lẫn những cư xử hữu hảo. Tôi cho rằng không thể viết nên lịch sử bằng cách liệt kê những câu chuyện đó. Khả năng của một nhà sử học sẽ thể hiện ở việc đánh giá, xử lý những câu chuyện đó như thế nào trong bối cảnh lịch sử đương thời.

Câu chuyện “huyền thoại” của dân tộc

Cuộc điều tra lần này của chúng tôi không phải là một cuộc điều tra toàn diện, mà chỉ được thực hiện tại 23 địa điểm tức 23 làng. Theo đó, cuộc điều tra không đưa ra một kết luận nào về quy mô thiệt hại của toàn bộ nạn đói - con số hai triệu người hay được nhắc tới.

Như đã trình bày ở trên, số dĩ con số hai triệu được nhiều người biết tới là do nó đã được đề cập đến trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sau đó, trong quá trình thương lượng việc bồi thường giữa Nhật Bản và Nam Việt Nam (tức chính quyền Việt Nam Cộng hoà trước đây), khi bàn về vấn đề thiệt hại của nạn đói, phía Nhật Bản đưa ra con số “ba trăm nghìn”, còn phía Nam Việt Nam lại đưa ra con số “một triệu”.

Chuyện này đã làm cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hết sức bất bình. Lý do là chính quyền Việt Nam Cộng hoà không thể là đại diện chân chính của một nước Việt Nam toàn vẹn và tại sao lại tự tiện cắt giảm con số hai triệu đã được chính thức công bố vào năm 1945. Vì thế, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, và sau đó là nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đã coi việc nghi ngờ con số hai triệu là “âm mưu nhằm làm giảm nhẹ tội ác cho chủ nghĩa thực dân Pháp và phát xít Nhật”.

Đây là một trở ngại đối với việc làm rõ thực trạng nạn đói 1945. Nếu như khó thay đổi con số hai triệu thì tại sao lại phải tiến hành điều tra thực trạng nạn đói? Cuối năm 1990, đường lối “Đổi mới” được đề xướng tại Việt Nam, bắt đầu một quá trình xem xét lại cách thức trình bày truyền thống các vấn đề của lịch sử hiện đại Việt Nam. Ý tưởng cho rằng phải chăng việc làm rõ thực trạng nạn đói quan trọng hơn so với việc cố chấp với con số hai triệu trong giới sử học Việt Nam đã được nảy sinh trong giai đoạn này.

Cuộc điều tra của chúng tôi đã được thực hiện với sự hợp tác của các nhà nghiên cứu lịch sử Nhật Bản và Việt Nam. Chúng tôi đã nhất trí rằng: không xuất phát từ con số hai triệu mà mục tiêu trước hết của cuộc điều tra là làm rõ thực trạng cụ thể của nạn đói 1945. Trong giới hạn như vậy, nó đã được mở rộng thành một cuộc điều tra có tính chất đương đầu với một trong những “câu chuyện huyền thoại” đã tồn tại ở Việt Nam trong nhiều năm.

Trong giới nghiên cứu Việt Nam cũng đã diễn ra một cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa kết quả của cuộc điều tra với con số hai triệu người. GS. Văn Tạo - đại diện của phía Việt Nam, trong phần “Tổng kết” của bản Báo cáo điều tra bằng tiếng Việt, đã dựa vào những con số của cuộc điều tra để tính bình quân và đưa ra giả thuyết rằng tỷ lệ số người bị chết đói tính trên tổng dân số có khả năng đạt tới 15%. Giả thuyết này chủ trương cuộc điều tra đã hỗ trợ cho con số hai triệu. Ngược lại, cũng có nhà nghiên cứu cho rằng nếu dựa vào những số liệu điều tra, người ta buộc phải nghi ngờ con số hai triệu. Rõ ràng tình trạng xuất hiện những quan điểm trái ngược như thế này là đương nhiên vì cuộc điều tra của chúng tôi không xuất phát từ con số hai triệu và không trực tiếp đưa ra một kết luận nào về tổng mức độ thiệt hại của nạn đói.

Nếu như ở Việt Nam, liên quan đến nạn đói 1945, con số hai triệu người chết đói từng được coi là một “câu chuyện huyền thoại”, thì ở Nhật Bản cũng tồn tại một “câu chuyện huyền thoại” khác cho rằng con số hai triệu người chết đói là một chuyện “khó tin”. Cuộc điều tra của chúng tôi cũng có tính chất đương đầu với “câu chuyện huyền thoại” ở Nhật Bản. Hai quan điểm đối lập này hầu như không tiến thêm được một bước nào. Một mặt, do mỗi năm số lượng những người có thể làm chứng về thực trạng nạn đói ngày một giảm đi, chúng ta cũng không thể biết liệu tình hình có tiến triển thêm được gì hay không, hay là sự thật về sự kiện này sẽ bị chôn vùi trong bóng tối. Cuộc điều tra lần này có ý nghĩa như là một cú hích nhỏ nhằm khai thông thực trạng này.

Tôi nghĩ rằng cuộc điều tra đã đương đầu được với hai “câu chuyện huyền thoại” ở hai nước Việt Nam và Nhật Bản. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng câu chuyện ở Nhật Bản và câu chuyện ở Việt Nam là hoàn toàn giống nhau. Tôi cho rằng cần phải phân biệt giữa một bên là câu chuyện của kẻ gây tai họa với một bên là câu chuyện của người bị hại.

Bỏ qua con số hai triệu, đối với những người Việt Nam với tư cách là người bị hại, nạn đói 1945 là một thảm kịch không thể phủ nhận được. Con số hai triệu tồn tại được chính một phần là nhờ những cảm nhận về mức độ khủng khiếp của những người đã trải qua nạn đói. Có thể một số người Nhật khi nghe xong câu chuyện về hai triệu người chết đói cho rằng đó là một con số “khó tin”, nhưng bản thân câu chuyện hai triệu người không hề làm bất cứ ai trong họ cảm thấy bị tổn thương. Hơn thế nữa, việc Nhật Bản thiên vị câu chuyện “hai triệu người chết đói là khó tin” không chỉ làm mờ hồ đi trách nhiệm của họ trong chiến tranh mà còn thể hiện những cố gắng cực đoan nhằm phủ nhận những gì mà người Việt Nam đã phải chịu đựng trong nạn đói và nhằm chôn vùi sự kiện này trong bóng tối. Do đó, không thể đánh đồng hai chuyện này với nhau.

Tôi nghĩ rằng trong những vấn đề liên quan đến trách nhiệm chiến tranh, trước hết là những người gây ra tai họa cần phải thể hiện thái độ rõ ràng đối với “câu chuyện huyền thoại” ở đất nước mình. Nếu không làm được điều này, họ không có quyền đặt vấn đề với “câu chuyện huyền thoại” của người bị hại. Nếu bỏ qua điểm này sẽ dẫn đến tình trạng xem xét những “câu chuyện huyền thoại” của kẻ gây hại và người bị hại trên cùng một cấp độ. Từ đó sẽ dẫn đến tranh cãi và vấp phải sai lầm cho rằng không có khác biệt gì lớn giữa hai bên, người Nhật đương nhiên bên vực chuyện của người Nhật, người Việt Nam đương nhiên bên vực chuyện của người Việt Nam. Và như vậy, thực chất vấn đề nạn đói năm 1945 sẽ không thể giải quyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn Tạo - Furuta Motoo, *Nạn đói năm 1945 - Những chứng tích lịch sử*, Viện Sử học, Hà Nội, 1995.
2. Furuta Motoo, *Thực trạng nạn đói tại một làng quê Việt Nam - Làng Lương Phú, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình* (Báo cáo về cuộc điều tra kết hợp Nhật - Việt), Kỷ yếu *Lịch sử và Văn hoá*, Đại học Tokyo số 18, tháng 3 năm 1994.

3. Furuta Motoo, *Kết quả điều tra kết hợp Nhật - Việt về nạn đói 1945 tại Việt Nam*. UP, số 5-1996, Nhà xuất bản Đại học Tokyo.
4. Furuta Motoo, Những chứng tích lịch sử và lịch sử hiện đại - Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. In trong sách *Ngữ pháp lịch sử* do Yoshie Akio, Yamauchi Masayuki và Motomura Ryoji chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Tokyo, 1997.
5. Furuta Motoo, *Nạn đói 1945 tại một làng có nhà máy đay - làng Phương Thông, tỉnh Hưng Yên*, Kỷ yếu khoa học Khoa Nghiên cứu khu vực, Trường Đại học Văn hoá tổng hợp, Đại học Tokyo, *ODYSSEUS*, số 1, tháng 3 năm 1997.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T. XVIII, N.3, 2002

HISTORICAL STUDIES AND THE MEMORY OF WAR

Prof. Furuta Motoo

University of Tokyo - Japan

The famine in 1945 in Vietnam was a disaster for its people during the occupation of the Japanese troops were in this country. Due to various reasons, ideas on this event both in Vietnam and in Japan are not unanimous. While in Vietnam this event has been seen as a frightening memory, in Japan it has been known to only a few people. As a Japanese historian, the author and his Vietnamese colleagues have carried out their investigations in some localities in order to find the facts of this event objectively. The aim is to clarify the responsibilities of the Japanese troops in the disaster. The article presents the reasons, the research methodology and the results of the investigations.